

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HSST
Ngày: 06/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu

Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/02/2001 tại xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Ch và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: Tháng 02/2019 tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại Đại đội Vệ binh thuộc Bộ tham mưu cảnh sát biển, tháng 01/2021 xuất ngũ về địa p H. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

+ **Bị hại:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

+ **Người làm chứng:** - Anh Bùi Minh H1, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện X, Thái Bình.

- Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

- Chị Đoàn Thị Th, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

- Anh Ngô Minh T, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

- Anh Ngô Minh Đ, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 18/3/2022, Ngô Minh T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T mời đến nhà T tham dự lễ ăn hỏi của T thì T đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô BKS 17B8-435.44 đi một mình từ công ty may H1 Lập có địa chỉ tại xã Đ, huyện X, tỉnh Thái Bình đến nhà T. Đến nơi, T tham gia ăn uống cùng T và nhóm bạn của T ở hiên trước cửa nhà T. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đứng dậy lấy xe máy đi ra quán tạp hóa khu vực gần nhà T để đổi tiền mừng đám hỏi. Sau khi đổi được tiền, T quay lại nhà Tiến và đi vệ sinh. Sau đó T đi ra ngoài thì phát hiện tại đầu giường ngủ phía sau kệ tủ ti vi phòng khách nhà Tiến có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mini màu đen dung lượng 64GB của chị Bùi Thị H (là mẹ đẻ của T) đang cắm sạc pin. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. Do thấy xung quanh có nhiều người đi lại, T vào phòng ngủ cạnh nhà vệ sinh nằm, mục đích để chờ cơ hội không có người chú ý sẽ trộm cắp chiếc điện thoại trên. Khoảng 10 phút sau T quan sát thấy không có người đi lại, T đi lại đầu giường vị trí để điện thoại, lúc này có chị Đoàn Thị Th đang nằm nghỉ trên giường, mặt quay vào phía trong tường, thấy chị Thanh không để ý nên T dùng tay rút chiếc điện thoại di động ra khỏi đầu dây sạc pin. T tắt chuông điện thoại và bật chế độ máy bay để tránh bị phát hiện, sau đó đút chiếc điện thoại trên vào túi quần bên trái phía trước T đang mặc rồi đi ra ngoài tiếp tục ăn uống cùng mọi người. Khoảng 20 giờ cùng ngày, chị H phát hiện mất điện thoại nhưng do đông khách nên chị không nói với ai. Khoảng 21 giờ, khi khách đã về gần hết, chị H mới nói với Tiến việc bị mất điện thoại. Lúc này, T đứng dậy xin phép ra về. Khi về đến nhà, T vào phòng ngủ lấy điện thoại trộm cắp được ra cắm vào dây sạc pin của T. Chị H và Tiến tìm kiếm chiếc điện thoại trên thông qua phần mềm định vị Iphone trên điện thoại thì phát hiện điện thoại của chị H ở vị trí gần khu vực nhà T. Tiến đi đến nhà T hỏi T có cầm điện thoại của mẹ Tiến không thì T không nhận. Sau đó chị Bùi Thị H làm đơn trình báo lên Công an huyện Tiền Hải.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 20/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiền Hải kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mini màu đen, dung lượng 64GB có giá mua mới trên thị trường hiện tại là 13.000.000đồng. Chiếc điện thoại trên hiện còn 80% giá trị sử dụng, giá trị của chiếc điện thoại trên tại thời điểm định giá là 10.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 31/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 18/3/2022 lợi dụng lúc nhà chị H đang có đám nên bị cáo đã trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mini màu đen của chị H, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối

với bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng số 51 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 50, điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên về bản luận tội.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa p H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo, Bị hại và những người làm chứng không KH1 nại hay có ý kiến gì. Nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. *Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:* Tại phiên tòa Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mini màu đen của chị Bùi Thị H trị giá 10.400.000đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như:

- Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là chị Bùi Thị H;
- Lời khai của người làm chứng là anh Bùi Minh H1, bà Phạm Thị Ng, chị Đoàn Thị Th, anh Ngô Minh T và anh Ngô Minh Đ;
- Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải lập ngày 19/3/2022 tại gia đình chị Bùi Thị H;
- Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an huyện Tiền Hải lập cùng ngày 19/3/2022;
- Bản Kết luận định giá tài sản ngày 20/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiền Hải.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 18/3/2022, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của chị Bùi Thị H, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp

tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mini màu đen trị giá 10.400.000 đồng của chị Bùi Thị H mục đích để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3]. *Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4]. *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:* Về nhân thân, bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân tốt, trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã trả lại tài sản cho Bị hại, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. *Về hình phạt:*

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy bị cáo bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân tốt, trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó bị cáo có đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự về án

treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự và điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cho bị cáo T được hưởng án treo cải tạo tại địa p H, dưới sự giám sát của chính quyền địa p H nơi các bị cáo cư trú và ấn định một thời gian thử thách nhất định cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp và thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn T không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường phần trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 50, điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 2 điều 136, điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/7/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Bắc Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới”.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/7/2022.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Công an huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Chu Thị Linh